

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH MỚI
VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

Tên văn bản dự thảo: Nghị quyết Quy định chính sách thúc đẩy phát triển cơ chế cộng sinh công nghiệp và hình thành các Khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2050

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
(1)	(2)	(3)	(4)
1	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: “Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố <i>Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 15 của Luật này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:</i> 1. Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo quy định của pháp luật; 2. Quyết định biện pháp để phát huy vai trò trung tâm kinh tế - xã hội của đô thị lớn trong mối liên hệ với các địa phương trong vùng, khu vực và cả nước theo quy định của pháp luật; 3. Thông qua kế hoạch sử dụng đất của thành phố đối với trường hợp không phải lập quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; 4. Quyết định biện pháp quản lý dân cư ở thành phố và tổ chức đời sống dân cư đô thị theo quy định của pháp luật;	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách của thành phố Đồng Nai về cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi, thành lập mới và phát triển khu công nghiệp sinh thái đến năm 2035, định hướng đến năm 2050.	Phạm vi điều chỉnh này được thực hiện dựa trên quyền hạn pháp lý hiện hành từ: - Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân trong việc ban hành Nghị quyết để quyết định các biện pháp, cơ chế chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. - Luật Phát triển đô thị: Hội đồng nhân

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	5. Quyết định chính sách, biện pháp về quản lý chất lượng môi trường và phát triển bền vững, kiểm soát ô nhiễm và phát triển không gian xanh đô thị theo quy định của pháp luật.” - Ngoài ra, còn có Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 (Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách, biện pháp về tiêu chí khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái) và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan.		dân Thành phố quy định chính sách, biện pháp về tiêu chí khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái). - Các quy định pháp luật liên quan.
2	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: “Điều 149. Tín dụng xanh 2. Hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam đối với dự án đầu tư phải phù hợp với quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay. 3. Khuyến khích các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam tài trợ, cho vay ưu đãi đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều này.” - Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo 2025 (Luật số 93/2025/QH15): “Điều 3. Giải thích từ ngữ 15. Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.” - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: “Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ...	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng ... 2. Đối tượng áp dụng: a) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; b) Nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp được chứng nhận sinh thái; c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cộng sinh công nghiệp; d) Tổ chức tín dụng, quỹ tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức tư vấn, tổ chức cung cấp công nghệ và các tổ chức có liên quan; đ) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.	- Các đối tượng áp dụng theo Nghị quyết rất đa dạng theo rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan, trong đó căn cứ trực tiếp vẫn theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP và Thông tư 05/2025/TT-BKHĐT; đồng thời mở rộng đến cả các đối tượng bên ngoài KCN tham gia vào

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	2. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại khu công nghiệp, khu kinh tế.” - Ngoài ra, còn có Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (điều 146, điều 147), Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 (được sửa đổi bổ sung năm 2025) và các quy định pháp luật chuyên ngành liên quan. - Thông tư 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái: “Điều 2. Cộng sinh công nghiệp và giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn <i>4. Trong quá trình đánh giá, giám sát doanh nghiệp thực hiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 37 của Nghị định số 35/2022/NĐ-CP, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể tham khảo ý kiến của tổ chức, đơn vị chuyên môn trong nước đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn hoặc tổ chức quốc tế có năng lực, chuyên môn về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn thông qua tổ chức họp lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.”</i>		chuỗi liên kết tài nguyên, chất thải hoặc năng lượng với doanh nghiệp trong KCN. - Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan): Căn cứ vào quy định thẩm quyền quản lý nhà nước tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, đảm bảo bao quát các cơ quan (như Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính,...) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và giám sát việc áp dụng Nghị quyết.
3	- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH14: “Điều 4. Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động quy hoạch <i>1. Tuân thủ chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Luật này, quy định của pháp luật khác có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i> <i>2. Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ.</i> <i>3. Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch.</i>	Điều 2. Nguyên tắc thực hiện 1. Phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan. 2. Tuân thủ pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, doanh nghiệp, khoa học và công nghệ, tài	1. Khoản 1 và Khoản 2: Nguyên tắc tuân thủ quy hoạch và hệ thống pháp luật chuyên ngành - Luật Quy hoạch số 112/2025/QH14 và Luật Đất đai số 31/2024/QH15: Quy

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	4. Bảo đảm sự phát triển dài hạn, ổn định của quốc gia; bảo đảm lợi ích quốc gia, năng lực cạnh tranh quốc gia; dựa trên cơ sở dữ liệu thực tiễn, khoa học, khách quan, đáp ứng yêu cầu phát triển của quốc gia, vùng, địa phương. 5. Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới. 6. Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng bộ, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch. ... 8. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch. 9. Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước. 10. Bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận cơ hội kinh doanh và các nguồn lực của nền kinh tế; xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch.” - Luật Đất đai số 31/2024/QH15: “Điều 5. Nguyên tắc sử dụng đất 1. Đúng mục đích sử dụng đất. 2. Bền vững, tiết kiệm, có hiệu quả đối với đất đai và tài nguyên trên bề mặt, trong lòng đất. 3. Bảo vệ đất, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, không được lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hóa học làm ô nhiễm, thoái hóa đất.” - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 : “Điều 142. Kinh tế tuần hoàn 1. Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. 2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải. 3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao	chính, tín dụng và pháp luật có liên quan. 3. Doanh nghiệp được đặt ở vị trí trung tâm, được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng sinh công nghiệp, kinh tế tuần hoàn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi và bảo đảm hiệu quả kinh tế. 4. Ưu tiên giải pháp đồng thời tạo ra nhiều kết quả: tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí, giảm chất thải, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng. 5. Bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo ra rào cản đầu tư, kinh doanh trái pháp luật. 6. Không thành lập cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị mới để thực hiện Nghị quyết. 7. Đối với khu công nghiệp hiện hữu đồng thời thuộc danh mục hoặc đề án chuyển đổi, tái cấu trúc khu công nghiệp của Thành phố, việc xác định phương án tổng thể, phạm vi, ranh giới, phân kỳ, xử lý chuyển tiếp đối với dự án, đất đai, hạ tầng, người lao động và các quyền, lợi ích hợp pháp thực hiện theo quy định về chuyển đổi, tái cấu trúc khu công nghiệp. Việc đáp ứng tiêu chí khu công nghiệp sinh thái, thực hiện cộng sinh công nghiệp và hướng chính sách hỗ	định tính thống nhất, đồng bộ, không chồng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: Quy định việc thành lập, phát triển hoặc chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái bắt buộc phải phù hợp với phương hướng phát triển hệ thống khu công nghiệp và quy hoạch tỉnh. - Hệ thống luật chuyên ngành bao gồm: Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật Doanh nghiệp, Luật Chuyển giao công nghệ. 2. Khoản 3 và Khoản 4: Vị trí trung tâm

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối. 4. Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.” - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế “Điều 36. Chính sách hỗ trợ và hợp tác phát triển khu công nghiệp sinh thái 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách: a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào khu công nghiệp hiện hữu để kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái; b) Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới và thu hút đầu tư vào khu công nghiệp sinh thái; c) Hỗ trợ khoa học, kỹ thuật, chuyển giao công nghệ để doanh nghiệp trong khu công nghiệp cải tiến quy trình quản lý và vận hành, đổi mới công nghệ sản xuất để giảm các nguồn gây ô nhiễm, tái sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu, sử dụng hiệu quả tài nguyên. 2. Hợp tác xây dựng khu công nghiệp sinh thái a) Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện hợp tác với nhau để sử dụng chung các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ, nguyên liệu, vật liệu và các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất; tái sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng dư thừa, chất thải, phế liệu của mình và của các doanh nghiệp khác trong khu công nghiệp để giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh; b) Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp được hợp tác với bên thứ ba để thực hiện cộng sinh công nghiệp. Bên thứ ba gồm nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp và doanh nghiệp khác thông qua cung cấp các công trình kết cấu hạ tầng hoặc cung ứng dịch vụ hỗ trợ xây dựng và triển khai cộng sinh công nghiệp; c) Các bên tham gia tự thỏa thuận hình thức hợp tác và chia sẻ lợi ích, chi phí theo quy định của pháp luật về dân sự.	trợ chuyên biệt về khu công nghiệp sinh thái thực hiện theo Nghị quyết này và pháp luật chuyên ngành.	của doanh nghiệp, nguyên tắc tự nguyện và mục tiêu đa lợi ích Căn cứ pháp lý: - Điều 36 và Điều 37 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP: Đây là cốt lõi quy định mô hình khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái. Pháp luật hiện hành quy định việc liên kết cộng sinh công nghiệp dựa trên tinh thần hợp tác, tự nguyện, cùng có lợi giữa các doanh nghiệp, Nhà nước đóng vai trò khuyến khích và hỗ trợ kỹ thuật. - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 (Kinh tế tuần hoàn và Phát triển bền vững): Khung pháp lý ưu tiên các giải pháp tiết kiệm năng lượng, tuần hoàn

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	3. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế giao một đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ban quản lý hoặc một đơn vị phù hợp thực hiện chức năng xây dựng, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn; đề xuất giải pháp và kết nối doanh nghiệp thực hiện cộng sinh công nghiệp; cung cấp dịch vụ hỗ trợ chuyển đổi hoặc đầu tư mới khu công nghiệp sinh thái. 4. Các cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư được khuyến khích xây dựng, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trong khu công nghiệp để hỗ trợ và kết nối doanh nghiệp thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp. 5. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn trên địa bàn nhằm chứng nhận, theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin có liên quan vào hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn và hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế. Điều 37. Tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái 1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau đây: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về lao động trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái; b) Bảo đảm đầy đủ các dịch vụ cơ bản trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm: dịch vụ hạ tầng thiết yếu (điện, nước, thông tin, phòng cháy, chữa cháy, xử lý nước thải, các dịch vụ hạ tầng thiết yếu khác) và các dịch vụ có liên quan, hỗ trợ các doanh nghiệp trong khu công nghiệp thực hiện cộng sinh công nghiệp; c) Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giám sát đầu vào và đầu ra về sử dụng nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu trong khu công nghiệp; lập báo cáo định kỳ hằng năm về các kết quả đạt được trong sử		nước, giảm thiểu chất thải, và kiểm soát nghiêm ngặt phát thải khí nhà kính. 3. Khoản 5 và khoản 6: Bảo đảm tính minh bạch, không tạo rào cản và không phát sinh bộ máy mới Căn cứ pháp lý: - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: Quy định quy trình xây dựng chính sách của địa phương phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, cải cách thủ tục hành chính, tuyệt đối không tạo ra các rào cản trái pháp luật cho môi trường đầu tư kinh doanh. 4. Khoản 7: Nguyên tắc phân kỳ và xử lý chuyển tiếp đối với khu công nghiệp hiện hữu

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	dùng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn và giám sát phát thải của khu công nghiệp, báo cáo Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; d) Hằng năm, công bố báo cáo thực hiện bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng xung quanh gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế và đăng trên website của doanh nghiệp. 2. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau đây: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về lao động trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái; b) Thực hiện ít nhất 01 công sinh công nghiệp và các doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo các tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) phù hợp; c) Tối thiểu 20% doanh nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn đạt kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu và giảm phát thải ra môi trường. 3. Khu công nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau đây: a) Tỷ lệ tối thiểu tổng diện tích đất cây xanh, giao thông, các khu kỹ thuật và hạ tầng xã hội dùng chung trong khu công nghiệp đạt 25% trong quy hoạch xây dựng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng; b) Có giải pháp đảm bảo nhà ở, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.” - Ngoài ra, còn có hệ thống luật chuyên ngành khác bao gồm: Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chuyên giao công nghệ,...		Căn cứ pháp lý: - Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 (Các điều khoản về bảo hộ đầu tư, xử lý chuyển tiếp): Đảm bảo các quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư cũ khi khu công nghiệp bước vào lộ trình thay đổi cấu trúc pháp lý hoặc công năng. - Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 và dự thảo Nghị định quy định cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đồng Nai (đang được xin ý kiến, chấp thuận): Đây là các văn bản mới trao quyền cho Đồng Nai lập đề án thí điểm hoặc cơ chế đặc thù để chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khu công nghiệp

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
			hiện hữu thành khu công nghiệp sinh thái, phân định rõ ràng giữa quy định chuyển đổi hạ tầng thông thường và tiêu chuẩn kỹ thuật chuyên biệt để hưởng ưu đãi theo quy định của Nghị định 35/2022/NĐ-CP.
4	- Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 8 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: “III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 3. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan tỏa, liên kết với khu vực kinh tế trong nước - Khuyến khích tổ chức tín dụng hỗ trợ lãi suất, cấp tín dụng ưu đãi để triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). Cho phép doanh nghiệp khấu hao nhanh đối với tài sản số và tài sản xanh.” - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: “Điều 28. Bảo vệ môi trường ... 2. Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm sau đây: a) Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định vùng phát thải thấp; quyết định phạm vi vùng phát thải thấp và các biện pháp được áp dụng trong vùng theo lộ trình phù hợp;” - Luật Thủ đô số 39/2024/QH15: “Điều 3. Giải thích từ ngữ ...	Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Khu công nghiệp sinh thái là khu công nghiệp, trong đó có doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp, đáp ứng các tiêu chí theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. Việc hình thành khu công nghiệp sinh thái không làm thay đổi pháp lý của khu công nghiệp. Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn chi tiết tiêu chí chính sách, biện pháp để hình thành khu công nghiệp sinh thái và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái.	- Các thuật ngữ sử dụng trong Nghị quyết được giải thích rõ ràng, phù hợp với quy định quốc tế về phát triển bền vững, các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Nai trên cơ sở của Luật Phát triển đô thị, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; trong đó: - ESG: là thuật ngữ được thể chế hóa theo nội dung hướng

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	6. Vùng phát thải thấp là khu vực được xác định để hạn chế các phương tiện giao thông gây ô nhiễm môi trường nhằm cải thiện chất lượng không khí.” - Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16: “Điều 39. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp đ) Giảm phát thải nhựa trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt trên địa bàn Thành phố; hoạt động xử lý, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tiêu dùng liên quan đến tái chế rác thải sử dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất, quản lý chất thải rắn theo chuỗi phát sinh - thu gom - vận chuyển - xử lý; g) Dự án sử dụng công nghệ cao, tiên tiến trong lĩnh vực môi trường, giảm phát thải các-bon, ứng phó biến đổi khí hậu, xử lý chất thải, nước thải;” - Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ về quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-zôn: “Điều 3. Giải thích từ ngữ 31. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính là hoạt động nhằm giảm nhẹ mức độ hoặc cường độ phát thải khí nhà kính, tăng cường hấp thụ khí nhà kính.” “Điều 5. Đối tượng thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính 1. Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành. 2. Các bộ quản lý lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp, quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp là các Bộ: Công Thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng. 3. Các tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được khuyến khích thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện, hoạt động của mình.” “Điều 31. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ 1. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.” - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: “Điều 2. Giải thích từ ngữ	2. Cộng sinh công nghiệp là hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong một khu công nghiệp hoặc trong các khu công nghiệp khác nhau để tối ưu hóa việc sử dụng hoặc tái sử dụng yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh góp phần giảm thiểu chất thải, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả kinh tế. 3. Doanh nghiệp sinh thái là doanh nghiệp thực hiện đồng thời các giải pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái, đáp ứng các tiêu chí theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; trong đó nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp sinh thái tuân thủ pháp luật môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải, tham gia cộng sinh công nghiệp và công khai thông tin phát triển bền vững. Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp sinh thái theo quy định về cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai. 4. Tiêu chuẩn ESG là bộ tiêu chí dùng để đánh giá tính bền vững, tác động	đến về quản trị bền vững của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) tại Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT, phối hợp với định hướng khung quản trị phi tài chính quốc tế. Do pháp luật Việt Nam chưa ban hành chương riêng biệt về ESG trong luật gốc, khái niệm này được lồng ghép như một công cụ tự nguyện để đánh giá tính minh bạch và rủi ro môi trường - xã hội theo chiến lược tăng trưởng xanh của Chính phủ. - Luật Chuyển giao công nghệ: Chi tiết quy định: Nội dung giải nghĩa tuân thủ chuẩn xác định nghĩa pháp lý tại khoản 5 Điều 2 Luật Chuyển giao công nghệ hiện hành

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	5. Khu công nghiệp sinh thái là khu công nghiệp, trong đó có doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp; đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định này. 7. Cộng sinh công nghiệp là hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong một khu công nghiệp hoặc trong các khu công nghiệp khác nhau để tối ưu hóa việc sử dụng hoặc tái sử dụng yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh. 8. Doanh nghiệp sinh thái là doanh nghiệp thực hiện đồng thời các giải pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái; đáp ứng các tiêu chí quy định tại Nghị định này.” - Ngoài ra, còn căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 (được sửa đổi bổ sung năm 2025); Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái và các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác.	của hoạt động kinh doanh, đầu tư, sản xuất hay hiệu quả quản lý của một tổ chức, doanh nghiệp. Đây là bộ khung chuẩn giúp các tổ chức và nhà đầu tư xem xét dễ dàng hơn về các yếu tố phi tài chính, có vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị lâu dài, cũng như quản lý rủi ro hiệu quả. Báo cáo ESG là tài liệu doanh nghiệp dùng để công bố thông tin và đo lường hiệu suất về ba yếu tố: Môi trường (Environment), Xã hội (Social) và Quản trị doanh nghiệp (Governance). 5. Công nghệ sạch là công nghệ phát thải ở mức thấp chất gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, sử dụng ít tài nguyên không tái tạo hơn so với công nghệ hiện có” được quy định chi tiết tại Luật Chuyển giao công nghệ. 6. Phát thải thấp là quá trình hoặc trạng thái sản xuất, sinh hoạt và di chuyển tạo ra lượng khí thải, chất thải độc hại thấp hơn nhiều so với mức thông thường nhờ công nghệ sạch hoặc năng lượng tái tạo; đồng thời cũng là mức xả thải các chất ô nhiễm không khí (như bụi mịn, CO₂, NO_x) ra môi trường ở mức rất ít hoặc đã được kiểm soát nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn cho phép nhằm giảm thiểu ô	(công nghệ tiêu thụ ít tài nguyên không tái tạo, phát thải thấp hơn quy chuẩn kỹ thuật cho phép). - Phát thải thấp: là khái niệm được sử dụng phổ biến hiện nay trong các văn kiện Đại hội Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và các tài liệu quốc tế về phát triển bền vững.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
		nhiệm môi trường, cải thiện chất lượng không khí và hạ thấp khí thải nhà kính để chống biến đổi khí hậu.	
5	- Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065: “II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU 1. Quan điểm <i>(4) Phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; đưa thành phố phát triển trở thành cực tăng trưởng đa chức năng, có vai trò dẫn dắt về công nghiệp hàng không, vũ trụ, công nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại biên giới, nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới sáng tạo gắn với phát huy vị trí trung tâm chiến lược của “đô thị sân bay”, kết nối toàn cầu, phát triển ngang tầm với các đô thị sân bay lớn trong khu vực và quốc tế.”</i> - Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 8 tháng 6 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: “III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 3. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ, tăng tính lan tỏa, liên kết với khu vực kinh tế trong nước <i>- Khuyến khích tổ chức tín dụng hỗ trợ lãi suất, cấp tín dụng ưu đãi để triển khai các dự án có vốn đầu tư nước ngoài xanh, tuần hoàn, tiết kiệm năng lượng, sử dụng tài nguyên bền vững và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG). Cho phép doanh nghiệp khấu hao nhanh đối với tài sản số và tài sản xanh.”</i> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: “Điều 142. Kinh tế tuần hoàn <i>1. Kinh tế tuần hoàn là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.</i>	Điều 4. Mục tiêu tổng quát Phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; Hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh, tuần hoàn, thông minh và phát thải thấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Phát triển cộng sinh công nghiệp trở thành một phương thức quan trọng trong tổ chức sản xuất; từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu sang loại hình khu công nghiệp sinh thái; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng và hạ tầng; nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) và yêu cầu của chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và quốc tế theo các Nghị quyết về xây dựng, phát triển và quy hoạch của thành phố Đồng Nai.	Mục tiêu tổng quát của cơ chế chính sách cho khu công nghiệp sinh thái được định hướng trên cơ sở các văn kiện của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai, phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và quy định pháp luật hiện hành, trong đó xác định mục tiêu “<i>hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh, tuần hoàn... và phát thải thấp</i>” dựa vào phát triển kinh tế tuần hoàn và lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thông qua việc lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo... làm động lực chủ yếu” làm bệ đỡ cho việc nâng cao năng lực

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép kinh tế tuần hoàn ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải. 3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối. 4. Chính phủ quy định tiêu chí, lộ trình, cơ chế khuyến khích thực hiện kinh tế tuần hoàn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.” “Điều 91. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính 1. Các khí nhà kính chính là carbon dioxide (CO₂), methane (CH₄) và nitrous oxide (N₂O). Các khí có hàm lượng thấp nhưng có tiềm năng cao gây hiệu ứng nhà kính là hydrofluorocarbons (HFCs), perfluorocarbons (PFCs), sulphur hexafluoride (SF₆) và nitrogen trifluoride (NF₃). 2. Nội dung giảm nhẹ phát thải khí nhà kính bao gồm: a) Tổ chức thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và hấp thụ khí nhà kính theo lộ trình, phương thức giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện của đất nước và cam kết quốc tế; b) Kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, lĩnh vực và cấp cơ sở có liên quan; c) Kiểm tra việc tuân thủ quy định về kiểm kê khí nhà kính, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, việc thực hiện cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; d) Xây dựng và triển khai cơ chế, phương thức hợp tác về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; đ) Tổ chức và phát triển thị trường các-bon trong nước...” - Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16: “Điều 14. Phát triển hạ tầng giao thông, vận tải, logistics và bảo vệ môi trường 1. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chính sách, biện pháp về:		cạnh tranh trong chuỗi cung ứng hoàn toàn phù hợp với chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ sạch và công nghệ tuần hoàn; đồng thời căn cứ Luật Phát triển đô thị và quy định về cơ chế chính sách đặc biệt cho Đồng Nai làm căn cứ điều chỉnh mối quan hệ giữa công nghiệp xanh và phát triển không gian đô thị (lồng ghép mục tiêu “khu công nghiệp thông minh” gắn với kết cấu hạ tầng kỹ thuật chung của thành phố).

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	k) Tiêu chí khu, cụm công nghiệp sinh thái trên địa bàn Thành phố và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu, cụm công nghiệp đang hoạt động thành khu, cụm công nghiệp sinh thái.”		
6	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: “Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường 11. Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.” - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: “Điều 37. Tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái ... 2. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp đáp ứng các tiêu chí sau đây: a) Tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về lao động trong vòng 03 năm trước thời điểm đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái; b) Thực hiện ít nhất 01 cộng sinh công nghiệp và các doanh nghiệp tham gia cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng hệ thống quản lý sản xuất và môi trường theo các tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) phù hợp; c) Tối thiểu 20% doanh nghiệp trong khu công nghiệp áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, sản xuất sạch hơn đạt kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất, chất thải, phế liệu và giảm phát thải ra môi trường.” - Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai) phê duyệt đề án giảm thiểu khí các - bon trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050: “Đối với tỉnh Đồng Nai, đến năm 2030 Đồng Nai đặt mục tiêu trở thành một nền kinh tế năng động - là động lực tăng trưởng, hạt nhân phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu cần thiết để trở thành thành	Điều 5. Mục tiêu đến năm 2030 1. Hình thành cơ chế kết nối, hỗ trợ mạng lưới cộng sinh công nghiệp trên phạm vi Thành phố. 2. Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp về tài nguyên, năng lượng, nước, chất thải, phụ phẩm, phát thải và các quan hệ cộng sinh. 3. Các khu công nghiệp có lộ trình đánh giá khả năng chuyển đổi sang loại hình khu công nghiệp sinh thái phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo đạt tỷ lệ 10% khu công nghiệp sinh thái (bao gồm chuyển đổi và thành lập mới) trên tổng số khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố; ưu tiên chuyển đổi đối với các khu công nghiệp có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, ngành nghề, mật độ doanh nghiệp và khả năng trao đổi tài nguyên. 4. Hình thành các mô hình cộng sinh công nghiệp, bao gồm: a) Tuần hoàn, tái sử dụng nước thải khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; b) Trao đổi nhiệt, hơi và năng lượng; c) Tái sử dụng phụ phẩm, phế liệu; d) Chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng và	Việc xác định rõ mục tiêu của Nghị quyết đến năm 2030 nhằm thống nhất và phù hợp với các chủ trương, chính sách của thành phố Đồng Nai đang hướng đến (trong đó có nội dung “đảm bảo đạt tỷ lệ 10% khu công nghiệp sinh thái (bao gồm chuyển đổi và thành lập mới) trên tổng số khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố”: phù hợp với Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 75-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về bảo vệ

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	<i>phổ trực thuộc trung ương trong giai đoạn 2030-2035. Tỉnh sẽ đi đầu trong phát triển công nghiệp hiện đại, trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, cửa ngõ trung chuyển của miền Nam lấy cảng hàng không quốc tế Long Thành làm hạt nhân; có hệ thống đô thị ven sông, đô thị sinh thái hiện đại, thông minh và đáng sống với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp và y tế hàng đầu cả nước. Với tư duy đột phá, phát huy tốt các tiềm năng và lợi thế, tỉnh Đồng Nai xác định tầm nhìn đến 2050 sẽ là một trong các cực tăng trưởng quan trọng của Việt Nam, đi đầu trong phát triển công nghiệp tạo giá trị cao, đầu mối giao thương quốc tế và đô thị đẳng cấp, đáng sống, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm, hoàn thành mục tiêu phát thải trung tính "net-zero 2050".</i> Hơn nữa, Đồng Nai còn đặt mục tiêu giai đoạn 2025-2030 giảm 20% lượng phát thải khí nhà kính; giai đoạn 2030-2035 giảm 45%; giai đoạn 2035-2045 hướng tới trung hòa carbon và đến năm 2050 đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" (Net Zero).	dịch vụ (dùng chung hệ thống xử lý nước thải, cấp hơi, kho bãi, đào tạo, logistics); đ) Tái chế, tái sử dụng chất thải; e) Công nghệ sạch và giảm phát thải.	môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong thời kỳ mới: giai đoạn 2026-2030 chỉ tiêu “Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố đạt 10%”).
7	- Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065: “II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU 2. Mục tiêu, chỉ tiêu 2.1. Mục tiêu <i>Đến năm 2035: Thành phố Đồng Nai phấn đấu trở thành đô thị theo mô hình đô thị sân bay, đô thị ven sông, đô thị đa trung tâm, đô thị đa mục tiêu, xanh, thông minh với trung tâm công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hàng không, vũ trụ, kinh tế hàng không tiêu chuẩn quốc tế; người dân có thu nhập cao; xã hội văn minh, an toàn, hạnh phúc.”</i> - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: trong đó có quy định về “giảm nhẹ phát thải khí nhà kính” (khoản 2 Điều 91) và “Kinh tế tuần hoàn” (khoản 1,2,3 Điều 142). - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: “Điều 38. Xây dựng mới khu công nghiệp sinh thái	Điều 6. Mục tiêu đến năm 2035 1. Nhân rộng loại hình khu công nghiệp sinh thái trên toàn Thành phố. 2. Hoàn chỉnh hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh công nghiệp và ESG. 3. Tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nước, giảm chất thải và giảm phát thải khí nhà kính.	Định hướng đến năm 2035 hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của quốc gia và thành phố trên cơ sở đã thiết lập và hoàn thành mục tiêu đặt ra trong giai đoạn đến năm 20230, trong đó có việc cơ bản hình thành các mô hình cộng sinh công nghiệp, từng bước xây dựng hoàn chỉnh cơ sở dữ liệu phục

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	<i>1. Chính phủ khuyến khích đầu tư mới khu công nghiệp sinh thái thông qua quy hoạch xây dựng, thiết kế hợp lý các phân khu chức năng và định hướng thu hút các dự án đầu tư có ngành, nghề tương đồng để hỗ trợ thực hiện cộng sinh công nghiệp.”</i>		vụ cho phát triển bền vững.
8	- Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065: “II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU 2. Mục tiêu, chỉ tiêu <i>“Đến năm 2045: Thành phố Đồng Nai trở thành trung tâm hàng không hiện đại của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, là trung tâm kinh tế tri thức, phát triển năng động; chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức cao; quản trị đô thị hiện đại; xã hội văn minh, an toàn, đáng sống, hạnh phúc.</i> <i>Đến năm 2065: Thành phố Đồng Nai là thành phố kết nối toàn cầu, có chất lượng sống và hạnh phúc cao trên thế giới; thuộc nhóm các đô thị sân bay đa chức năng.”</i> “III- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU 7. Phát triển toàn diện văn hóa, giáo dục, y tế, con người Đồng Nai <i>Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của vùng đất Biên Hoà - Đồng Nai với trên 300 năm hình thành và phát triển. Ưu tiên nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa, thể thao thành tích cao; xây dựng đồng bộ thiết chế văn hóa, thể thao; đầu tư công trình hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Tăng cường liên kết tuyến du lịch và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh gắn với chuyển đổi số; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng.</i> <i>Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển thị trường lao động, gắn với yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực chiến lược của thành phố; gắn phát triển giáo dục đại học với xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và hệ sinh thái sân bay Long Thành; hình thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh</i>	Điều 7. Định hướng đến năm 2050 1. Hình thành hệ thống khu công nghiệp sinh thái hiện đại, có khả năng kết nối vùng và quốc tế. 2. Cộng sinh công nghiệp trở thành một cấu phần thường xuyên trong quy hoạch, đầu tư và vận hành khu công nghiệp. 3. Hình thành các chuỗi công nghiệp tuần hoàn, chuỗi cung ứng xanh và chuỗi giá trị phát thải thấp. 4. Kết nối khu công nghiệp với khu đô thị, trung tâm logistics, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn. 5. Phát triển nền tảng dữ liệu công nghiệp phục vụ quản trị tài nguyên, môi trường, phát thải và ESG.	Trong tương lai, Đồng Nai không những sẽ trở thành trung tâm kinh tế tri thức, phát triển năng động, công nghiệp đi đầu của cả nước mà còn phải định hướng kết nối trong vùng và vươn ra quốc tế với việc đảm bảo gắn kết, phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững và người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Đến năm 2050, định hướng chiến lược phát triển công nghiệp của Việt Nam tập trung chuyển đổi toàn diện sang mô hình khu công nghiệp sinh thái, gắn liền với mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	vực trọng điểm như hàng không, vũ trụ, logistics, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp công nghệ cao và các ngành kỹ thuật then chốt.” - Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: “II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN 3. Tầm nhìn đến năm 2050 <i>Đồng Nai phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đi đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại; là trung tâm giao thương quốc tế, du lịch, dịch vụ gắn với các đô thị đẳng cấp quốc tế, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm và hoàn thành mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa; người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.”</i> - Ngoài ra, còn căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế,...		Zero) và kinh tế tuần hoàn. Chi tiết hóa, mở rộng cho 5 định hướng trọng tâm đến năm 2050: 1. Hệ thống khu công nghiệp sinh thái hiện đại - Kết nối vùng và quốc tế: Xây dựng mạng lưới hạ tầng đồng bộ, đạt chuẩn khu công nghiệp sinh thái thông minh và bền vững. - Thu hút đầu tư xanh: Tối ưu hóa năng lượng tái tạo, công nghệ ít các-bon và giảm thiểu ô nhiễm từ gốc. 2. Phát triển cộng sinh công nghiệp - Tích hợp quy hoạch: Đưa hoạt động chia sẻ tài nguyên, năng lượng, nước và phụ phẩm vào ngay khâu thiết kế dự án. - Tái sử dụng chất thải: Biến chất thải

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
			của nhà máy này thành nguyên liệu đầu vào của nhà máy khác trong cùng khu vực, giảm áp lực lớn lên môi trường. 3. Chuỗi giá trị phát thải thấp - Tuần hoàn khép kín: Hình thành các chuỗi công nghiệp tuần hoàn từ sản xuất đến tiêu thụ, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của chuỗi cung ứng toàn cầu. - Giảm dấu chân các-bon: Giảm thiểu tối đa lượng phát thải khí nhà kính trong toàn bộ chu kỳ sống của sản phẩm. 4. Kết nối đa chiều hạ tầng – xã hội - Mô hình tích hợp: Gắn kết không gian sản xuất với khu đô thị, hạ tầng dịch vụ, nhà ở công nhân và trung tâm logistics xanh.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
			- Hợp tác nghiên cứu: Liên kết chặt chẽ với các trường đại học, viện nghiên cứu để đào tạo nguồn nhân lực số và chuyển giao công nghệ mới. 5. Nền tảng dữ liệu công nghiệp số - Quản trị minh bạch: Xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (Big Data) và chuyển đổi số phục vụ giám sát tài nguyên nước, năng lượng và phát thải theo tiêu chuẩn ESG. - Đo lường chuẩn hóa: Tạo cơ sở dữ liệu xác thực cho các dự án tiếp cận nguồn vốn và tín dụng xanh quốc tế.
9	- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: trong đó có định nghĩa cụ thể về cộng sinh công nghiệp tại khoản 7 Điều 2 và các tiêu chuẩn, chính sách khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái).	Điều 8. Phát triển mạng lưới cộng sinh công nghiệp 1. Khuyến khích hình thành mạng lưới cộng sinh giữa các doanh nghiệp trong cùng khu công nghiệp, giữa các khu công nghiệp và giữa doanh	Việc quy định phát triển mạng lưới cộng sinh công nghiệp nhằm làm rõ các yêu cầu về mối quan hệ chặt chẽ giữa một

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	- Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái: trong đó chi tiết hóa các tiêu chí về quan hệ cộng sinh công nghiệp, trao đổi phụ phẩm, chất thải và hiệu quả tài nguyên.	ngiệp trong khu công nghiệp với doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài. 2. Khuyến khích hình thành các chuỗi cộng sinh theo ngành, theo khu vực và theo dòng tài nguyên. 3. Ưu tiên dự án có từ 03 quan hệ cộng sinh công nghiệp trở lên hoặc có khả năng tạo chuỗi cộng sinh cho nhiều doanh nghiệp.	hoặc nhiều khu công nghiệp với nhau, trong đó doanh nghiệp là chủ thể trung tâm của các hoạt động cộng sinh theo quy định.
10	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Quy định về kinh tế tuần hoàn, quản lý chất thải, tái sử dụng nước và giảm phát thải bảo vệ môi trường trong các khu sản xuất tập trung. - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: trong đó định nghĩa tiêu chí, điều kiện xây dựng mới và chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái, bao gồm các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật dùng chung và cộng sinh công.	Điều 9. Hạ tầng khu công nghiệp sinh thái 1. Khuyến khích đầu tư, nâng cấp: a) Hệ thống cấp, thoát và tái sử dụng nước; b) Hệ thống thu gom, phân loại, tái chế chất thải; c) Hệ thống thu hồi nhiệt, hơi và năng lượng; d) Hệ thống năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng; đ) Hạ tầng logistics và kho bãi dùng chung; e) Hạ tầng số và dữ liệu; g) Các công trình phục vụ kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải. 2. Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp được khuyến khích cung cấp hạ tầng, dịch vụ dùng chung nhằm giảm chi phí đầu tư riêng lẻ của doanh nghiệp.	Thành phố khuyến khích các khu công nghiệp, các doanh nghiệp quan tâm đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng thiết yếu đáp ứng với tiêu chí khu công nghiệp sinh thái.
11	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: Quy định cụ thể về kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy hoạt động cộng sinh công nghiệp, và các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường trong sản xuất.	Điều 10. Dự án cộng sinh công nghiệp ưu tiên	Quy định này nhằm làm rõ các dự án cộng sinh công

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế: trong đó định nghĩa rõ ràng về cộng sinh công nghiệp và các tiêu chí xây dựng, chuyển đổi khu công nghiệp sinh thái. - Thông tư số 05/2025/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xây dựng khu công nghiệp sinh thái: trong đó có đánh giá các dự án thực hiện cộng sinh công nghiệp, sử dụng chung hạ tầng. - Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí môi trường và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: đây là quy định làm cơ sở tiếp cận tín dụng xanh, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí.	Thành phố ưu tiên hỗ trợ các dự án cộng sinh công nghiệp sau đây: 1. Tuần hoàn, tái sử dụng nước thải đã qua xử lý. 2. Trao đổi, thu hồi và sử dụng nhiệt, hơi, khí và năng lượng. 3. Sử dụng phụ phẩm, sản phẩm thứ cấp và nguyên liệu thứ cấp. 4. Thu hồi, tái chế và tái sử dụng chất thải. 5. Sử dụng chung hạ tầng, kho bãi và logistics. 6. Đầu tư công nghệ giảm phát thải khí nhà kính. 7. Đầu tư công nghệ sạch, công nghệ tuần hoàn và công nghệ sử dụng hiệu quả tài nguyên. 8. Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ ESG và quản trị phát triển bền vững.	ngành mà thành phố Đồng Nai ưu tiên hỗ trợ, phát triển để thúc đẩy phát triển hệ thống khu công nghiệp sinh thái thông minh, hiện đại thông qua việc đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng xanh, trao đổi năng lượng, phụ phẩm, giảm phát thải theo tiêu chuẩn ESG.
12	- Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai “Điều 3. Tổ chức thực hiện 4. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, ngoài các chế độ, chính sách đối với thành phố trực thuộc trung ương, các cơ chế, chế độ, chính sách đặc thù đối với tỉnh Đồng Nai vẫn tiếp tục được thực hiện trên địa bàn thành phố Đồng Nai cho đến hết giai đoạn áp dụng hoặc đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.” - Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 21 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đồng Nai đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2065:	Điều 11. Giảm tiền thuê đất 1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái theo quy định được giảm đến 50% tiền thuê đất hàng năm trong thời hạn 5 năm đối với phần diện tích đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án khu công nghiệp sinh thái. Thời hạn giảm tiền thuê đất được tính kể từ ngày Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái có hiệu lực.	Đây là điểm mấu chốt, cốt lõi trong việc thực hiện chính sách của Nhà nước (miễn, giảm tiền thuê đất) theo quy định của pháp luật nhằm cụ thể hóa ưu đãi đối với khu công nghiệp sinh thái trên cơ sở của Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	“3. Xây dựng thể chế đột phá và chính sách huy động nguồn lực phát triển thành phố Đồng Nai Cho phép áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, tương đồng cơ chế, chính sách áp dụng đối với Thành phố Hồ Chí Minh trên một số lĩnh vực đầu tư, tài chính, ngân sách, đất đai, xây dựng, quy hoạch, đô thị, môi trường, nhà đầu tư chiến lược, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhân lực chất lượng cao, biên chế, vị trí việc làm, chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, kinh tế biên giới, kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi... để tạo điều kiện thúc đẩy thành phố Đồng Nai phát triển. Thành lập và phát triển các khu kinh tế đặc biệt, khu thương mại tự do, khu công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo, khu giáo dục đại học gắn với đô thị sân bay Long Thành để phát triển vùng sân bay đạt chuẩn quốc tế của thành phố Đồng Nai tương xứng với vị trí, vai trò là cực tăng trưởng chiến lược của quốc gia.” - Luật Đất đai số 31/2024/QH15: “Điều 157. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất 1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây: a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ; ... 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.” - Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh ... 2. Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố khác là đô thị đặc biệt (sau đây gọi là Thành phố) được áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật này. Thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Luật Thủ đô.	2. Phần diện tích đất được hưởng chính sách giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm diện tích đất được xác định trong dự án đầu tư (không áp dụng cho phần hạ tầng dùng chung đã được miễn theo quy định của Luật Đất đai 2024 và pháp luật có liên quan) để thực hiện các hạng mục sau: a) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp sinh thái; b) Xây dựng công trình bảo vệ môi trường, hệ thống quan trắc tự động và giám sát môi trường tự động; c) Xây dựng hệ thống tái sử dụng nước, tuần hoàn tài nguyên; d) Xây dựng hệ thống thu hồi nhiệt, hơi và năng lượng tái tạo; đ) Xây dựng cơ sở xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải; e) Xây dựng các hạng mục công trình phục vụ mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và trung hòa các-bon; g) Thực hiện các hạng mục trực tiếp phục vụ hoạt động cộng sinh công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. 3. Đối với khu công nghiệp đang hoạt động được chuyển đổi và được công nhận là khu công nghiệp sinh thái, chính sách giảm tiền thuê đất được áp dụng đối với phần diện tích đất được xác định để thực hiện các hạng mục	(điểm k khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 39) và quy định về cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai theo Luật Phát triển đô thị sau khi được Chính phủ ban hành Nghị định.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	3. Thành phố không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này được áp dụng một số cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt quy định tại Luật này, trừ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 7, Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 16 và Mục 7 Chương II của Luật này. ... 5. Chính phủ quy định phạm vi áp dụng cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển đô thị đặc biệt cho các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này trong trường hợp có chủ trương của cấp có thẩm quyền, trên cơ sở phù hợp với điều kiện đặc thù, định hướng phát triển, năng lực thực thi của từng địa phương và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều 3 của Luật này.” “Điều 39. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp 1. Các dự án đầu tư trên địa bàn Thành phố được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm: ... k) Dự án phát triển doanh nghiệp sinh thái; dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp hỗ trợ, khu thương mại tự do, khu logistics tích hợp; 2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây: a) Miễn tiền thuê đất theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.” “Điều 65. Điều khoản chuyển tiếp về cơ chế, chính sách đối với thành phố không là đô thị đặc biệt Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù cho thành phố quy định tại khoản 3 Điều 1 của Luật này tiếp tục có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần cho đến khi nghị định của Chính phủ ban hành theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 và khoản 7 Điều 63 của Luật này có hiệu lực thi hành.” - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: “Điều 39. Ưu đãi đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái	của khu công nghiệp sinh thái và đáp ứng điều kiện theo quy định. 4. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn giảm tiền thuê đất 05 (năm) năm là ngày cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái có hiệu lực. 5. Trường hợp chủ đầu tư đã được hưởng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định khác của pháp luật thì không thực hiện giảm trùng lặp cho cùng một khoản tiền thuê đất và cùng một thời kỳ, trừ trường hợp cơ chế đặc thù áp dụng đối với Thành phố Đồng Nai có quy định khác. 6. Sau khi hết thời hạn giảm 05 (năm) năm tiền thuê đất, Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi tương tự khác nếu đáp ứng điều kiện theo pháp luật tại thời điểm áp dụng. 7. Trong thời gian hưởng chính sách, Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải duy trì các điều kiện, tiêu chí của khu công nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật. 8. Trường hợp Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do không còn đáp	

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	1. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái được hưởng chính sách ưu đãi quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định này.” “Điều 32. Chính sách khuyến khích phát triển khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao 1. Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao bao gồm cả phân khu công nghiệp hỗ trợ, phân khu công nghiệp chuyên ngành, phân khu công nghiệp công nghệ cao: a) Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;”	ứng điều kiện thì xem xét việc dừng hưởng ưu đãi từ thời điểm bị thu hồi. 9. Chính sách giảm tiền thuê đất quy định tại Điều này không áp dụng đối với phân diện tích không thuộc dự án khu công nghiệp sinh thái hoặc không phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện dự án khu công nghiệp sinh thái. 10. Việc giảm tiền thuê đất không mặc nhiên làm phát sinh miễn, giảm các nghĩa vụ tài chính khác của chủ đầu tư, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ chế đặc thù có quy định. 11. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính, hồ sơ, tổ chức triển khai thực hiện việc giảm tiền thuê đất, cơ chế kiểm tra và xử lý, thu hồi ưu đãi trong trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện của khu công nghiệp sinh thái. 12. Việc thực hiện chính sách tại Điều này phải bảo đảm phù hợp với pháp luật đất đai, pháp luật ngân sách nhà nước và cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với thành phố Đồng Nai.	
13	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14: Quy định về các tiêu chí, chính sách ưu đãi (Điều 141), tín dụng xanh (Điều 149), trái phiếu xanh (Điều 150), Quỹ bảo vệ môi trường (Điều 151) và trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung (Điều 51) và khu công nghiệp sinh thái. “Điều 141. Ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường 1. Chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường được quy định như sau:	Điều 12. Hỗ trợ tín dụng xanh và tài chính 1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái được ưu tiên	Nghị quyết định hình cơ chế hỗ trợ tài chính mạnh mẽ thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường và hỗ trợ lãi suất ngân sách lên

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	<i>a) Nhà nước thực hiện ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, trợ cước vận chuyển đối với sản phẩm thân thiện môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;</i> <i>b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó;</i> <i>c) Trường hợp hoạt động bảo vệ môi trường cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn;</i> <i>d) Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về bảo vệ môi trường từng thời kỳ.</i> 2. Các hoạt động đầu tư kinh doanh về bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm: <i>a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải;</i> <i>b) Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường gồm công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; công nghệ tiết kiệm năng lượng; dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; dịch vụ quan trắc môi trường xung quanh; dịch vụ vận tải công cộng sử dụng năng lượng điện, nhiên liệu tái tạo; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất, cung cấp thiết bị quan trắc môi trường, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ, sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.”</i> - Ngoài ra, còn căn cứ các quy định pháp luật chuyên ngành khác về năng lượng và biến đổi khí hậu: liên quan đến sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển năng lượng tái tạo, cơ chế mua bán điện và thị trường tín chỉ carbon.	vay vốn ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quỹ, nhà tài trợ trong nước và quốc tế; được cấp tín dụng xanh tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, pháp luật về bảo vệ môi trường để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp sinh thái, thực hiện các biện pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp. 2. Thành phố khuyến khích kết nối nhà đầu tư thứ cấp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 2, các tổ chức tín dụng, Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố và các tổ chức tài chính để triển khai vốn cho các dự án: a) Công nghệ sạch; b) Tiết kiệm năng lượng; c) Tái sử dụng nước thải đã qua xử lý; d) Tái chế, tái sử dụng chất thải; đ) Cộng sinh công nghiệp; e) Giảm phát thải khí nhà kính; g) Chuyển đổi số và ESG.	đến 4%/năm để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ để thực hiện mục tiêu, quan điểm chỉ đạo của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước; đồng thời cụ thể hóa ưu đãi đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 39 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP. - Việc hỗ trợ tín dụng xanh và tài chính nhằm giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí vận hành doanh nghiệp (15-25% chi phí xử lý chất thải, mua nguyên vật liệu, năng lượng/trao đổi phụ phẩm, tái sử dụng, tái chế, vòng khép kín theo cộng sinh công

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
		3. Đối với dự án chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái đủ điều kiện hưởng hỗ trợ của Thành phố, ngân sách thành phố thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư với mức hỗ trợ tối đa không quá 4%/năm. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách theo từng giai đoạn để quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại hình dự án. 4. Việc cho vay, quyết định hạn mức, điều kiện tín dụng và quản trị rủi ro của tổ chức tín dụng thực hiện theo pháp luật về ngân hàng. 5. Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố ưu tiên cấp vốn vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất hoặc tài trợ một phần chi phí cho dự án khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái. 6. Khuyến khích tham gia thị trường tín chỉ carbon, tạo nguồn thu từ giảm phát thải, phát triển năng lượng tái tạo, mua bán điện dư theo Luật Năng lượng, các quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn và phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới. 7. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái được ưu tiên	ngành) giúp cải thiện điều kiện sống, hạ tầng giao thông, nước, điện, y tế, giáo dục cải thiện theo kế hoạch đi kèm KCN sinh thái, đồng thời thúc đẩy cơ chế trao đổi phụ phẩm, năng lượng, nước; xây dựng cơ sở dữ liệu giảm phát thải, báo cáo ESG.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
		tham gia các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, chương trình xúc tiến đầu tư do các cơ quan nhà nước tổ chức, quản lý. 8. Doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái được ưu tiên cung cấp thông tin có liên quan về thị trường công nghệ, khả năng hợp tác để thực hiện cộng sinh công nghiệp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.	
14	- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: <i>“Điều 31. Phát triển khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao</i> <i>1. Nhà nước khuyến khích và có biện pháp hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư mới hoặc chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khu công nghiệp đã được thành lập sang hoạt động theo loại hình khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao theo quy định tại Nghị định này.</i> <i>2. Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư trong khu công nghiệp hỗ trợ, khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp sinh thái, khu công nghiệp công nghệ cao được hưởng ưu đãi áp dụng theo địa bàn và ngành, nghề và ưu đãi áp dụng đối với dự án đầu tư vào khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư và quy định khác của pháp luật có liên quan và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ về thủ tục hành chính, tư vấn kỹ thuật, xúc tiến đầu tư, cung cấp thông tin hợp tác đầu tư theo quy định tại Nghị định này.”</i>	Điều 13. Giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính 1. Thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố được thực hiện không quá 80% thời gian theo quy định hiện hành, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn bắt buộc không được rút ngắn. 2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định chi tiết đối với các thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết để thúc đẩy hình thành khu công nghiệp sinh thái. 3. Không áp dụng việc rút ngắn thời gian đối với thủ tục thuộc thẩm quyền của cơ quan trung ương hoặc trường hợp pháp luật không cho phép rút ngắn.	Các quy định hiện hành mới nêu nguyên tắc chung, chưa cụ thể hóa cơ chế tín dụng xanh, hỗ trợ lãi suất; chưa có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị. Nghị quyết định hình cơ chế hỗ trợ tài chính mạnh mẽ thông qua Quỹ Bảo vệ môi trường và hỗ trợ lãi suất ngân sách lên đến 4%/năm để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ để thực hiện mục tiêu, quan điểm

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
			chỉ đạo của Đảng, quy định pháp luật của Nhà nước; đồng thời cụ thể hóa ưu đãi đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.
15	- Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16: “Điều 39. Thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp ... 2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện dự án quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g, h, i, k, l, m, n, o và p khoản 1 Điều này được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ sau đây: a) Miễn tiền thuê đất theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được giảm 50% tiền thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh tại các trung tâm đổi mới sáng tạo của Thành phố; b) Thu nhập từ thực hiện dự án được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.”	Điều 14. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp Thu nhập từ thực hiện dự án phát triển doanh nghiệp sinh thái, dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.	Đây cũng được xem là một trong những cơ chế đột phá được quy định rõ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16 (điểm b khoản 2 Điều 39). Nội dung chính sách sẽ do cơ quan Thuế triển khai, hỗ trợ doanh nghiệp khi các quy định có hiệu lực.
16	- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: “Điều 40. Chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái 1. Khu công nghiệp đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 37 của Nghị định này được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái.	Điều 15. Trách nhiệm tiếp nhận, lấy ý kiến việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và cấp Giấy chứng nhận	Quy định này xác định cơ quan đầu mối thực hiện các thủ tục chứng nhận khu công nghiệp

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	2. Doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái tham gia các hoạt động và đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định này được Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái. 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các mẫu văn bản quy định tại khoản 2 Điều 41, khoản 2 Điều 42, khoản 1 và khoản 2 Điều 43, mẫu Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái và Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái. Điều 41. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái 1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp lập 06 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. 2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái bao gồm: a) Văn bản đăng ký chứng nhận khu công nghiệp sinh thái; b) Báo cáo về tình hình hoạt động và thu hút đầu tư của khu công nghiệp; c) Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này (kèm theo các tài liệu có liên quan); d) Các tài liệu khác có liên quan đến khu công nghiệp (nếu có). 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương và Bộ Xây dựng. 4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này. 5. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức đánh giá hồ sơ và lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này. Trong quá trình tổ chức đánh giá, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tham khảo ý kiến của tổ chức hoặc đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng các điều	1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế là cơ quan đầu mối: Tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan đến việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái hoặc xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định; Đề xuất việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, giám sát, báo cáo định, phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này. 2. Trình tự, hồ sơ, tiêu chí, thời gian giải quyết, hiệu lực thực hiện theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế hiện hành. 3. Không thu phí, lệ phí cấp chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.	sinh thái, doanh nghiệp sinh thái khi nhà đầu tư đáp ứng tiêu chí sinh thái và nhân mạnh chính sách hỗ trợ, không thu phí, lệ phí khi cấp giấy chứng sinh thái.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	kiện về cung cấp dịch vụ tư vấn, đánh giá, xác nhận về sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn theo quy định của pháp luật. 6. Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái cho nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp. 7. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết và nêu rõ lý do không đạt yêu cầu. Điều 42. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái 1. Doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái lập 05 bộ hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế. 2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái bao gồm: a) Văn bản đăng ký chứng nhận doanh nghiệp sinh thái; b) Báo cáo về tình hình hoạt động của doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái; c) Đánh giá và giải trình khả năng đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định này (kèm theo các tài liệu có liên quan); d) Các tài liệu khác có liên quan đến việc thực hiện trách nhiệm môi trường, xã hội của doanh nghiệp (nếu có). 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Xây dựng. 4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định này. 5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế tổ chức đánh giá hồ sơ và lập báo cáo đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Nghị định này.		

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	6. Trường hợp kết quả đánh giá đạt yêu cầu, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái cho doanh nghiệp. 7. Trường hợp kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết và nêu rõ lý do không đạt yêu cầu. Điều 43. Theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái 1. Định kỳ hằng năm, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái lập báo cáo tình hình thực hiện khu công nghiệp sinh thái gửi Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế để theo dõi, giám sát các nội dung sau đây: a) Tình hình thực hiện và duy trì hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn của doanh nghiệp trong khu công nghiệp và hiệu quả thu được; b) Tình hình thực hiện cộng sinh công nghiệp, hiệu quả thu được và các doanh nghiệp mới tham gia vào liên kết cộng sinh (nếu có); c) Kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất và giảm phát thải ra môi trường của khu công nghiệp. 2. Định kỳ hằng năm, doanh nghiệp sinh thái báo cáo tình hình thực hiện và duy trì hoạt động sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn; tình hình thực hiện cộng sinh công nghiệp; kết quả tiết kiệm nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, hóa chất và giảm phát thải ra môi trường gửi nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế để theo dõi, giám sát. 3. Kết quả theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái là cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế xem xét cấp lại, thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái. 4. Việc đánh giá hiệu quả đạt được về kinh tế, xã hội, môi trường của khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái được thực hiện thông qua thông tin, cơ		

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	<i>sở dữ liệu của hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế quy định tại khoản 3 Điều 47 của Nghị định này.</i> Điều 44. Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái <i>1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái bị chấm dứt hiệu lực và thu hồi nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</i> <i>a) Khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái vi phạm quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai, pháp luật về môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan đối với khu công nghiệp và doanh nghiệp trong khu công nghiệp;</i> <i>b) Khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái không đáp ứng tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái quy định tại Điều 37 của Nghị định này trên cơ sở ý kiến theo dõi, giám sát của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;</i> <i>c) Theo đề nghị bằng văn bản của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái về việc chấm dứt hiệu lực của Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái.</i> <i>2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái thông báo bằng văn bản tới nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, doanh nghiệp đã được chứng nhận và các cơ quan có liên quan về việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.</i> Điều 45. Chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái <i>1. Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái được cấp lại sau 05 năm trong trường hợp khu công nghiệp và doanh nghiệp tiếp tục đáp ứng tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.</i>		

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	2. Hồ sơ đăng ký chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 41 và khoản 2 Điều 42 của Nghị định này. 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái trên cơ sở hồ sơ đăng ký chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, báo cáo giám sát, đánh giá tình hình thực hiện khu công nghiệp sinh thái hằng năm và việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái tại thời điểm chứng nhận lại mà không phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định này. Thủ tục chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 41 của Nghị định này. 4. Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện chứng nhận lại doanh nghiệp sinh thái trên cơ sở hồ sơ đăng ký chứng nhận lại doanh nghiệp sinh thái, báo cáo giám sát, đánh giá doanh nghiệp sinh thái hằng năm và việc đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp sinh thái tại thời điểm chứng nhận lại mà không phải lấy ý kiến các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 3 Điều 41 của Nghị định này. Thủ tục chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái được thực hiện theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 42 của Nghị định này.”		
17	- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: quy định về hiệu lực trở về trước và điều khoản chuyển tiếp của văn bản). - Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế: quy định chi tiết về các tiêu chí, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp truyền thống sang khu công nghiệp sinh thái và cộng sinh công nghiệp. - Luật Phát triển đô thị và các Nghị quyết đặc thù của Quốc hội: ban hành dành riêng cho từng địa phương về mô hình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị thông minh, sinh thái.	Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp 1. Khu công nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực được ưu tiên, khuyến khích tham gia cơ chế cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái. 2. Trường hợp văn bản pháp luật hoặc cơ chế đặc thù mới quy định chính sách có lợi hơn thì thực hiện theo quy định mới kể từ thời điểm có hiệu lực.	Quy định này nhằm xác định rõ đối tượng ưu tiên, khuyến khích tham gia cơ chế cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái, thay đổi hiệu lực (nếu có) của các văn bản quy phạm pháp

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
		3. Trường hợp nội dung quy định được dẫn chiếu trong Nghị quyết này có sự điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương hoặc thực hiện đồng thời Nghị quyết này và quy định cơ chế, chính sách phát triển thành phố theo Luật Phát triển đô thị.	luật với Nghị quyết này để tránh sự xung đột trong thời gian đưa Nghị quyết đi vào hoạt động.
18	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: “Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của địa phương theo quy định của pháp luật; c) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các nội dung liên quan đến phí, lệ phí, việc vay các nguồn vốn theo quy định của pháp luật; d) Quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường, thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin, du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật; ... e) Căn cứ vào chủ trương của Đảng, quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn sau khi đã báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép;	Điều 17. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đồng bộ với các cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai và định kỳ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện theo quy định. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết. 3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.	Nội dung này phù hợp với các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND và thẩm quyền giám sát việc tuân theo nghị quyết của HĐND quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và chức năng giám sát và vận động Nhân dân của Mặt trận Tổ quốc.

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	g) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân cấp mình; ... o) Giám sát việc thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân cấp mình; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, cơ quan khác ở địa phương theo quy định của pháp luật;” “Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh 1. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, h, i, k và l khoản 1 Điều 15 của Luật này; b) Tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực và các nguồn lực khác để thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; c) Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước ở trung ương, chính quyền các địa phương thúc đẩy liên kết kinh tế vùng, liên kết địa phương, thực hiện quy hoạch vùng, bảo đảm tính thống nhất của nền kinh tế quốc dân; d) Thực hiện quản lý hành chính nhà nước tại địa phương bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, liên tục, hiệu lực, hiệu quả, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, quản trị hiện đại, trong sạch, công khai, minh bạch, phục vụ Nhân dân; ... k) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. 2. Ủy ban nhân dân thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Xây dựng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 15 của Luật này;		

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	b) Quyết định quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, hạ tầng đô thị theo quy định của pháp luật; c) Quản lý thống nhất quỹ đất đô thị, hạ tầng đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật; d) Quyết định chuyển một số chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố cho các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc.” “Điều 27. Cơ cấu tổ chức của Hội đồng nhân dân 1. Hội đồng nhân dân gồm Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân. Cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân và số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các cấp được quy định như sau: a) Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp;” “Điều 7. Quan hệ công tác giữa chính quyền địa phương với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương 1. Chính quyền địa phương phối hợp và phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.”		
19	- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15: “Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật	Điều 18. Điều khoản thi hành	Quy định rõ thời điểm Nghị quyết có

STT	Văn bản pháp lý hiện hành	Dự thảo Nghị quyết tương ứng	Thuyết minh chi tiết
	1. Thời điểm có hiệu lực toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước ở trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn và trong trường hợp đặc biệt có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành; đồng thời phải được đăng tải ngay trên công báo điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng. 2. Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.” - Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: “Điều 35. Biểu quyết của Hội đồng nhân dân 1. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình bằng hình thức biểu quyết. Việc biểu quyết có thể bằng hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác theo Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân. 2. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành; riêng nghị quyết về bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân được thông qua khi có ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành.”	1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.	hiệu lực và được thông qua theo đúng quy định pháp lý hiện hành.